

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 43/2021/HNGĐ-ST

Ngày 21-6-2021

V/v tranh chấp xin ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Toàn.

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh Dũ.

- Bà Trần Thị Thu Thảo.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Thị Bé Thi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa:*
Ông Lê Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 21 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 22/2021/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2021 về việc “ Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1987 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: **Ấp B, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.**

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1982 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp MP, xã L, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 05-01-2021 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:**

Chị Nguyễn Thị Cẩm N và anh Nguyễn Văn H chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã L, huyện P, tỉnh Tiền Giang vào ngày 18-4-2007. Thời gian đầu chị N và anh H chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do chị N và anh H bất đồng quan điểm sống với nhau, chị và anh H đã nhiều lần hoà giải mong hàn gắn hạnh

phúc gia đình nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt. Chị và anh H đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay. Nay chị N xin ly hôn với anh H.

- Về con chung: Có 03 con chung Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 03-8-2007; Nguyễn Thị Cẩm H1, sinh ngày 15-5-2015; Nguyễn Phúc H2, sinh ngày 09-02-2019. Hiện con chung đang sống với chị N, khi ly hôn chị N yêu cầu trực tiếp nuôi con chung.

- Cấp dưỡng cho con: Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con chung.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

*** Tại tờ tự khai bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:**

Anh thống nhất với yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị Cẩm N. Nay anh đồng ý ly hôn với chị N.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 03-8-2007; Nguyễn Thị Cẩm H1, sinh ngày 15-5-2015; Nguyễn Phúc H2, sinh ngày 09-02-2019. Hiện con chung đang sống với chị N, khi ly hôn anh đồng ý giao cho chị N trực tiếp nuôi 03 con chung.

- Cấp dưỡng cho con: Anh không cấp dưỡng cho con chung do chị N không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, chị N và anh H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa:**

- Về tố tụng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị N và anh H; giao con chung Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 03-8-2007; Nguyễn Thị Cẩm H1, sinh ngày 15-5-2015; Nguyễn Phúc H2, sinh ngày 09-02-2019 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, chị N, anh H có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh H là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị N và anh H chung sống với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã L, huyện P, tỉnh Tiền Giang vào ngày 18/4/2007; anh H có hộ khẩu thường trú tại xã L, huyện P, tỉnh Tiền Giang, nên chị N khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ tranh chấp “ Xin ly hôn”.

[3] Xét tình cảm vợ chồng: Thời gian đầu chị N và anh H chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do chị và anh bất đồng quan điểm sống với nhau, chị N và anh H đã nhiều lần hoà giải mong hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt. Chị N và anh H đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay. Nay chị N xin ly hôn, anh H cũng đồng ý ly hôn với chị N. Xét việc chị N, anh H tự nguyện ly hôn là phù hợp quy định pháp luật, không trái vi phạm đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N với anh H.

[4] Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 03-8-2007; Nguyễn Thị Cẩm H1, sinh ngày 15-5-2015; Nguyễn Phúc H2, sinh ngày 09-02-2019. Hiện con chung đang sống với chị N, khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi 03 con chung. Anh H đồng ý giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Cấp dưỡng cho con: Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Không có.

[7] Về nợ chung: không có.

[8] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2014/UBTVQH 14 của Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm N.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm N với anh Nguyễn Văn H.

2. Về nuôi con chung: Giao 03 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 03-8-2007; Nguyễn Thị Cẩm H1, sinh ngày 15-5-2015; Nguyễn Phúc H2, sinh ngày 09-02-2019 cho chị Nguyễn Thị Cẩm N trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 20855 ngày 26-01-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, xem như chị N đã thi hành xong án phí.

4. Quyền kháng cáo: Chị N, anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thanh Toàn